TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Wu Chi Y, sinh năm 1965, nơi cư trú: 01/6/19 Lộ N, khóm 019, phường N, khu P, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc), vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Do người chị bà con giới thiệu mai mối, bà và ông Wu Chi Y tìm hiểu, tổ chức lễ cưới nhau năm 2017, đã đăng ký và được cấp giấy công nhận kết hôn số 09 ngày 16/8/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Sau khi đăng ký kết hôn bà và ông Chi Y chung sống thời gian ngắn, bà cảm thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Y có những khoảng cách rất xa, từ tính tình, thói quen sinh hoạt không hợp, thường xuyên mâu thuẫn, có nhiều điểm không hợp nhau. Mặt khác, do bất đồng ngôn ngữ nên không có điều kiện để hàn

gắn. Bà không thể nào tiếp tục duy trì hôn nhân, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Wu Chi Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai bị đơn ông Wu Chi Y thừa nhận: Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Diễm T thực tế. Vì những lý do như bà Nguyễn Thị Diễm T nêu đã làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông Wu Chi Y chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Diễm T.

Ông thừa nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Diễm T về việc không có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Wu Chi Y hiện tại đang cư trú tại 01/6/19 Lộ N, khóm 019, phường N, khu P, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc); nguyên đơn cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn không yêu cầu Tòa án thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Áp dụng khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành thủ tục này và không thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Dù qua mai mối, bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Wu Chi Y cũng đã có điều kiện tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 16/8/2017, được coi là hôn nhân.

Lời khai của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận về tình cảm của vợ chồng không được vun đắp và ngày càng trở nên phai nhạt do hoàn cảnh địa lý cách xa, không có điều kiện chung sống. Mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyên đơn có yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc 2 đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của 2 đương sự thì 2 đương sự phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T.

1. Bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn với ông Wu Chi Y.

Giấy chứng nhận số 09, ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Wu Chi Y xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Wu Chi Y trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Wu Chi Y phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009961 ngày 10/8/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Diễm T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Diễm T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Wu Chi Y được tính kể từ ngày nhận bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận** :*

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân huyện Tịnh Biên;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Hồng